

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2013/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 28 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện
theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (*Danh mục từng thủ tục hành chính kèm theo*).

Trong quá trình thực hiện, nếu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ nội dung các thủ tục hành chính đã quy định trong Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm rà soát, phối hợp với Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế phần danh mục thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số: 1565/2007/QĐ-UBND ngày 28/6/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết công việc của tổ chức, công dân tại các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành, thị; UBND xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL, Cục KSTTHC);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Website Chính phủ;
- Sở Tư pháp;
- CVP, PCVPTH;
- TTCB và TH, NCTH;
- Lưu: VT, KSTTHC, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Chu Ngọc Anh

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Kèm theo Quyết định số 19 /2013/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 6 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

PHẦN I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT		
1	Cấp giấy chứng nhận công nhận nguồn giống (cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm).	5
2	Đăng ký công nhận lại nguồn giống.	8
LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT		
3	Cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV.	10
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV.	13
5	Cấp Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV.	16
6	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV.	19
7	Cấp giấy phép tổ chức hội thảo, hội nghị về thuốc bảo vệ thực vật.	22
8	Cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo (<i>đối với quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, sinh vật có ích dùng trong BVTV, vật tư BVTV</i>).	23
9	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật.	25
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	27
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	30
12	Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	32
13	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	35
14	Cấp Thẻ xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	38
15	Cấp lại Thẻ xông hơi khử trùng (Vật thể bảo quản nội địa).	41
16	Cấp giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (Chỉ cấp giấy chứng nhận vận chuyển nội địa).	44
LĨNH VỰC CHĂN NUÔI		
17	Cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi trên các phương tiện quảng cáo.	47

LĨNH VỰC THÚ Y		
18	Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở chế biến, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý.	50
19	Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y.	57
20	Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.	60
21	Cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật.	63
22	Cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật.	66
23	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (đối với chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật; chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y; chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật).	69
24	Đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.	72
25	Đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.	78
26	Kiểm dịch động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao (động vật vận chuyển trong nước).	85
27	Kiểm dịch sản phẩm động vật động vật tham gia hội chợ, triển lãm (động vật vận chuyển trong nước).	91
28	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh.	97
29	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh.	103
30	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản vận chuyển trong nước.	109
31	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước.	113
32	Cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y.	117
33	Cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.	120
34	Cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật.	123
35	Cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật.	126
36	Cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản.	129
37	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với các	134

	cơ sở kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vắc-xin, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.	
38	Thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở do địa phương quản lý.	139
LĨNH VỰC THỦY LỢI		
39	Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đề điều và các công trình nông nghiệp chuyên ngành khác thuộc nhóm B, C.	141
40	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều.	145
41	Gia hạn cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều.	147
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP		
42	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	149
43	Giao nộp gấu cho Nhà nước.	152
44	Cấp giấy phép vận chuyển gấu.	155
45	Đăng ký Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, các loài động vật, thực vật hoang dã thông thường.	158
46	Đăng ký cơ sở trồng cây nhân tạo thực vật hoang dã quy định tại các Phụ lục II, III của Công ước Cites và nhóm II theo quy định của Pháp luật Việt Nam.	161
47	Đăng ký trại nuôi sinh sản động vật hoang dã quy định tại các phụ lục II, III của Công ước Cites và nhóm II theo quy định của Pháp luật Việt Nam.	164
48	Đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước Cites	167
49	Đăng ký cơ sở trồng cây nhân tạo thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước Cites.	170
50	Cho thuê rừng đối với các tổ chức	173
51	Giao rừng cho các tổ chức	176
52	Thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm e, g, h và điểm i khoản 1 Điều 26 Luật bảo vệ và phát triển rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài).	180

(Ấn định trong Danh mục này 52 thủ tục hành chính)

